

Số: 173/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08- 4 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Tám

Ông Huỳnh Văn Sức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phong– Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 667/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thanh Q, sinh năm 1985, nơi cư trú số H, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1983, nơi cư trú: tổ F, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Bà Thanh Q có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Võ Văn S làm chung công ty tự tìm hiểu quen nhau sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng hơn 1 năm được cha mẹ hai bên chấp thuận có tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2020 khi bà Q về quê chờ sinh con, ông S còn làm ở Đồng Nai, lúc đó phát hiện ông S có qua lại với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên, nhiều lần bà khuyên chồng bỏ hết về quê để hàn gắn tình cảm lo làm ăn lo cho con, nhưng ông S không đồng ý, thời gian dần dần cả hai không còn liên lạc, ly thân từ tháng 5/2021 cho

đến nay. Nay tình cảm tôi với ông S không còn, không thể hàn gắn, bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn S.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Huỳnh T, sinh ngày 15/12/2020 và Võ Thị My M, sinh ngày 11/03/2010. Nay ly hôn bà Q yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Huỳnh T, đồng ý giao con chung tên Võ Thị M My cho ông S nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn với ông Võ Văn S, tiếp tục giao bà Q được nuôi con chung tên Võ Huỳnh T, giao cho ông S tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị My M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: cả hai tự nguyện tìm hiểu quen nhau tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 24/06/2010 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp là hôn nhân hợp pháp. Bà Q cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm là do ông S không lo làm ăn, ăn chơi cờ bạc, có biểu hiện không chung thủy, bà Q nhiều lần khuyên can nhưng ông S không thay đổi, cả hai đã ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Quá trình tố tụng, ông S cũng không thể hiện ý kiến và đến hoà giải. Xét thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: con chung hiện đang sống với bà Q và ông S, trong đó cháu T sống với mẹ, cháu My M đang sống với cha, để đảm bảo môi trường phát triển của các cháu, tiếp tục giao con chung tên Võ Huỳnh T cho bà Q được nuôi, giao con chung tên Võ Thị My M cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: bà Cao Thị Thanh Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thanh Q

1. Về hôn nhân gia đình: bà Cao Thị Thanh Q được ly hôn với ông Võ Văn S

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Quỳnh T1, sinh ngày 15/12/2020 cho bà Cao Thị Thanh Q được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Giao con chung tên Võ Thị My M, sinh ngày 11/03/2010 cho ông Võ Thanh S1 được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Q và ông S1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông, bà trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà Q trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Cao Thị Thanh Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0011606 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Võ Văn S không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú An, h. Phú Tân, An Giang
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc